

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M – TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HS-ST
Ngày 20 tháng 11 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Anh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Sơn**

Ông **Lê Mạnh Nhanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ngọc Bích** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971.

Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Họ và tên cha: Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1944.

Họ và tên mẹ: Lại Thị N, sinh năm 1946.

Vợ là Lê Thị H, sinh năm 1974; có 02 con (con lớn sinh năm 1994 và con nhỏ sinh năm 1997).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 18/7/2019 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, ngày 28/02/2020 đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tuyên phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tạm giữ: ngày 25/6/2020; thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/7/2020 và tạm giam từ ngày 27/8/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn B, sinh năm 1974.

Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

Họ và tên cha: Bùi Văn B (đã chết).

Họ và tên mẹ: Trịnh Thị K, sinh năm 1950.

Vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; có 05 con (con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 2014).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 1998 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích.

- Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội) xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tạm giữ: ngày 26/6/2020; thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/7/2020. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn B*: Ông Nguyễn Ngọc Cường – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/6/2020, ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 trú tại thôn S, huyện K, tỉnh Hà Nam có đơn trình báo đến Công an huyện M về việc khoảng 14 giờ ngày

23/6/2020 tại xóm 8, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội anh bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu VIETTHAI có BKS: 90AB-04945.

Ngày 25/6/2020, Nguyễn Văn Đ đến công an huyện M đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe máy trên của mình.

Ngày 26/6/2020, Bùi Văn B đến công an huyện M đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe máy trên của mình.

Ngày 25/6/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện M ra yêu cầu định giá tài sản số 26 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M định giá 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VIETTHAI, số loại: SPECIAL, số máy: 2203916, số khung: 003916, có BKS: 90AB-049.45 xác định tại thời điểm bị xâm hại, tài sản nêu trên có giá trị bao nhiêu.

Tại kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 29 ngày 26/6/2020 kết luận: *“01 chiếc xe moto nhãn hiệu VIETTHAI, model SPECIAL, sơn màu xanh, BKS: 90AB-049.45, số máy: FMBVT2203916, số khung BWN4KH003916, giá trị tại thời điểm 10.200.000 đồng đã trừ hao mòn”*.

Quá trình điều tra làm rõ như sau:

Sáng ngày 23/6/2020, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam mượn xe của con rể mình là Phạm Văn T, sinh năm 1986 đi đến chợ Bùi Băn B, sinh năm 1974, trú tại: thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội là bạn nghiện ma túy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày cả hai nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy. Đ có nói với B là mình đang xây nhà cho ông Bùi Văn H, sinh năm 1964 ở thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội có vợ là bà Khiêm, ở đó có nhiều xe máy của thợ xây để sơ hở, không có ai trông coi. Đ chở B đi đến khu vực gần nhà ông H cách khoảng 200m thì Đ dừng xe lại B xuống xe đi bộ về phía nhà ông H sau đó Đ quay đầu xe đi về khu vực cầu Y, xã H để chờ B. Khoảng 40 phút sau thì B và Đ nói chuyện với nhau qua điện thoại thì Đ biết B đang ở huyện L, tỉnh Hòa Bình (Đ hiểu là B đã trộm cắp được xe máy). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Bùi Văn N, sinh năm 1980 trú tại thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội là người quen của B, gọi điện cho B hỏi chiếc xe máy bị mất cắp của ông C. Do bị anh Hanh phát hiện, B gọi điện cho Đ hỏi có biết chiếc xe máy của ai không để xin lỗi và trả lại thì Đ biết chiếc xe máy đó của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 ở cùng thôn với Đ và cùng làm thợ xây tại nhà ông H. Đ bảo B đi xe về sau đó hẹn gặp nhau ở nhà văn hóa thôn K, xã H đến tối cùng ngày Đ nhờ con rể là Phạm Văn T chở đến nhà văn hóa thôn K, xã H thì B đã đưa chiếc xe máy đã lấy trộm có BKS: 90AB-04945 cho Đ mang đi trả cho ông C nhưng ông C không nhận vì đã trình báo công an. Đến ngày 25/6/2020 Đ đến Công an huyện M, thành phố Hà Nội đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp chiếc xe máy trên.

Bùi Văn B thừa nhận hành vi cùng với Nguyễn Văn Đ rủ nhau đi trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy B và Đ đã lấy trộm được chiếc xe máy nhãn hiệu

VIETTHAI, model SPECIAL, sơn màu xanh, BKS: 90AB-049.45 tại trước cửa ngôi nhà đang xây thuộc thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội sau đó sự việc bị phát hiện. Ngày 26/6/2020, Bùi Văn B đến Công an huyện M khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 xe máy nhãn hiệu VIETTHAI, số loại: SPECIAL, màu sơn: XANH, số máy: 2203916, số khung: 003916, BKS: 90AB - 049.45, ngày 02/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M ra quyết định xử lý vật chứng số 34 trả lại chiếc xe này cho ông Nguyễn Văn C là chủ sở hữu hợp pháp; và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 60B6 - 364.07 mà Nguyễn Văn Đ sử dụng để trộm cắp tài sản là Đ mượn của anh Phạm Văn T, sinh năm 1986 là con rể của Đ. Khi cho Đ mượn xe anh Thịnh không biết là Đ sử dụng vào làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý anh Thịnh là có C cứ. Quá trình điều tra anh Phạm Văn T đã bán cho một người không quen biết, không rõ tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra Quyết định truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKS-MĐ ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi, tội danh và điều luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 18 đến 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn B 12 đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì nên Tòa án không xem xét.

+ Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Bùi Văn B trình bày luận cứ:

Đồng ý về tội danh, khung điều luật mà Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Bùi Văn B sau khi phạm tội đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đông con, thuộc diện hộ nghèo tại địa phương; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt

Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn B nhẹ hơn mức án Viện kiểm sát đã đề nghị.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và xin giảm nhẹ hình phạt
- Bị hại không đề nghị bồi thường và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, C cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện M; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện M trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi B bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng Hình sự. Về các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền mua ma túy sử dụng, nên ngày 23/6/2020, Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn B đã lợi dụng sơ hở, lén lút lấy trộm chiếc xe moto nhãn hiệu VIETTHAI, có BKS: 90AB-04945 của ông Nguyễn Văn C dựng trước cửa nhà ông H thuộc thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội, chiếc xe máy trên có giá trị tại thời điểm là 10.200.000 đồng

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn B là có C cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất của vụ án và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây mất trật tự trị an xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm minh phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm có

tính chất giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn Đ tham gia là người khởi xướng, xúi giục, giúp sức cho bị cáo B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể bị cáo Đ đã trực tiếp rủ B và nói với B là mình đang xây nhà cho ông Bùi Văn H ở thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội ở đó có nhiều xe máy của thợ xây để sơ hở không có ai trông coi, Đ dùng xe máy trực tiếp chở B đến gần nhà ông H để lợi dụng sơ hở trộm cắp tài sản là xe máy. Đối với bị cáo Bùi Văn B tham gia với vai trò là người thực hành thực hiện hành vi trộm cắp, trực tiếp lấy xe máy, đi xe máy về nhà để cất giấu.

[4] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Bùi Văn B không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ tại thời điểm thực hiện hành vi bị cáo chưa được xóa án tích về tội phạm trước đó lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng với lỗi cố ý nên bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: “Tái phạm”.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp tài sản trộm cắp, người bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Quyết định hình phạt :

C cứ tính chất của vụ án và mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tù các bị cáo một thời gian mới có đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Xét thấy các bị cáo là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng: Không có.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn B** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, 2; điểm h khoản 1 điều 52

(tái phạm), Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Văn Đ** 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/8/2020, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 25/6/2020 đến ngày 04/7/2020).

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Bùi Văn B** 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 26/6/2020 đến ngày 05/7/2020).

2. Về án phí: C cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 01 Điều 21, điểm a khoản 01 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: C cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (thay thông báo);
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Anh Tuấn